

Số: 1452 /QĐ-ĐHKT-QLKHHTQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành hướng nghiên cứu chính (Research Mainstreams) của Trường Kinh doanh (COB); Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước (CELG); Trường Công nghệ và thiết kế (CTD)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-ĐHKT-HĐT ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo UEH số 969 /BB-ĐHKT-QLKHHTQT ngày 18 tháng 5 năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành hướng nghiên cứu chính (Research mainstreams) của Trường Kinh doanh (COB); Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước (CELG); Trường Công nghệ và thiết kế (CTD) (Phụ lục đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường Kinh doanh (COB); Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước (CELG); Trường Công nghệ và thiết kế (CTD) và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, QLKH-HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Sử Đình Thành

PHỤ LỤC 1

Hướng nghiên cứu chính của Trường Kinh doanh (COB)

1. Quản trị công ty (*Corporate governance*).
2. Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (*Mergers and acquisitions*).
3. Quản trị nhân sự (*Human resource management*).
4. Quản trị vận hành và ra quyết định (*Operations management and decision making*).
5. Hành vi tổ chức (*Organizational behaviors*).
6. Văn hóa công ty và trách nhiệm xã hội (*Corporate culture and social responsibility*).
7. Quản trị thương hiệu và phân phối (*Brand management and distribution*).
8. Marketing và quảng cáo (*Marketing and advertising*).
9. Kinh doanh quốc tế và cạnh tranh quốc tế (*International business and competitiveness*).
10. Chiến lược toàn cầu và hiệu suất công ty (*Global strategy and firm performance*).
11. Quản trị chuỗi bán lẻ (*Retail supply chain management*).
12. Quản lý vận hành và chuỗi cung ứng toàn cầu (*Global operation and supply chain management*).
13. Logistics quốc tế (*International logistics*).
14. Ngành du lịch và sự phát triển (*Tourism and development*).
15. Marketing du lịch (*Tourism marketing*).
16. Tài chính công ty (*Corporate finance*).
17. Thị trường tài sản và định giá (*Asset markets and pricing*).
18. Thị trường phái sinh (*Derivatives market*).
19. Tài chính hành vi (*Behavior finance*).
20. Các định chế tài chính và dịch vụ tài chính (*Financial institutions and services*).
21. Bảo hiểm và Actuary (*Actuary and insurance*).
22. Ngân hàng và các định chế phi ngân hàng (*Banking and non-banking institutions*).
23. Tài chính quốc tế (*International finance*).
24. Thị trường tài chính, chính sách kinh tế vĩ mô và nền kinh tế thực (*Financial system, macroeconomic policy and real economy*).
25. Điều tiết hệ thống tài chính (*Financial regulations*).
26. Kế toán (*Accounting*)
27. Kiểm toán (*Auditing*)

28. Chuẩn mực kế toán (*Accounting standards*).
29. Khía cạnh văn hóa và đạo đức của thực hành kế toán (*Cultural and ethical dimensions of accounting practices*).
30. Kế toán và phát triển bền vững (*Accounting and sustainability*).
31. Kế toán và phân tích dữ liệu (*Accounting and data analysis*).
32. Các định hướng khác theo chỉ đạo của Ban Giám hiệu Trường Kinh doanh (*Others*)

PHỤ LỤC 2

Hướng nghiên cứu chính của Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước (CELG)

1. Kinh tế nông nghiệp, tài nguyên và môi trường (*Economics of agriculture, natural resources, and the environment*).
2. Kinh tế hành vi và thí nghiệm (*Behavioral and experimental economics*).
3. Lịch sử kinh tế (*Economic history*).
4. Phát triển kinh tế (*Economic development*).
5. Kinh tế sức khỏe và giáo dục (*Health and education economics*).
6. Kinh tế lao động (*Labor economics*).
7. Kinh tế và Luật (*Law and Economics*).
8. Kinh tế học hộ gia đình, doanh nghiệp và tổ chức (*Economics of households, firms and institutions*).
9. Kinh tế vĩ mô và kinh tế học tiền tệ (*Macroeconomics and monetary economics*).
10. Toán và phương pháp định lượng (*Mathematical and quantitative methods*).
11. Kinh tế công/tài chính công và phúc lợi xã hội (*Public/Financial economics and social welfare*).
12. Thuế trong kinh doanh (*Taxation in business*).
13. Thuế quốc tế và thương mại quốc tế (*International taxation and international trade*).
14. Kinh tế học đô thị/nông thôn và vùng (*Urban, rural, and regional economics*).
15. Phân tích chính sách công (*Public policy analysis*).
16. Chính phủ và chính phủ điện tử (*Government and digital government*).
17. Lãnh đạo và liêm chính (*Leadership and integrity*).
18. Tương tác chính trị và quản lý (*Political interaction and governance*).
19. Đổi mới quản trị và thể chế (*Governance renovation and institution*).
20. Sở hữu trí tuệ (Intellectual Property)
21. Tuân thủ và thực thi (*Compliance and enforcement*).
22. Luật lao động/Luật Thương mại/ Luật kinh doanh quốc tế/Luật công ty (*Labor law/trade law/international business law/corporate law*).
23. Các định hướng khác theo chỉ đạo của Ban Giám hiệu Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước (*Others*)

PHỤ LỤC 3

Hướng nghiên cứu chính của Trường Công nghệ và thiết kế (CTD)

1. Giáo dục thông minh (*Smart education*).
2. Sống thông minh (*Smart living*).
3. Kỹ năng và tri thức số trong giáo dục đại học (*Digital skills and literacy in higher education*).
4. Phòng thí nghiệm thực tế (*Living lab*).
5. Toán ứng dụng trong kinh tế, kinh doanh, quản lý (*Applied mathematics in economics, business and management*).
6. Thống kê ứng dụng trong kinh tế, kinh doanh, quản lý (*Statistics in economics, business and management*).
7. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh tế, kinh doanh, công nghệ, thiết kế, y học, kỹ thuật, nông nghiệp (*Artificial intelligence in economics, business, technology and design*).
8. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo (*Artificial intelligence in education and training*).
9. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý dữ liệu đa phương tiện: signal, time series, speech, image, video và các ứng dụng liên quan (*Artificial intelligence applications for multimedia data processing: signal, time series, speech, image, video and related applications*).
10. Ứng dụng dữ liệu lớn vào kinh tế, kinh doanh, công nghệ, thiết kế, y học, kỹ thuật, nông nghiệp, xã hội (*Bigdata application in economics, business, technology and design, medicine, technology*).
11. Ứng dụng dữ liệu lớn cho giáo dục và đào tạo (*Bigdata application in education and training*).
12. Các nghiên cứu cơ bản liên quan đến khoa học máy tính và toán ứng dụng (*Basic research in computer science and applied mathematics*).
13. Các định hướng khác theo chỉ đạo của Ban Giám hiệu Trường Công nghệ và thiết kế (*Others*)